

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÀ ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 65

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Phạm Thế Chính	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Thế Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc, phụ trách công tác Tài chính (Bỏ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2020, miễn nhiệm chức danh Giám đốc Tài chính)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính (Bỏ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2020)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện đã nêu trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Phạm Thế Chinh

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số: 410/2020/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020, từ trang 5 đến trang 65, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.4 và 5.5, Tổng giá trị khoản phải thu theo hợp đồng ký với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (“Tuần Lộc”) bao gồm gốc và lãi là 326.374.958.704 VND với mục đích là để Tuần Lộc góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận (“Doanh nghiệp dự án”) và đảm bảo bằng chính cổ phần mà công ty này sở hữu trong Doanh nghiệp dự án. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Tuần Lộc sẽ chính thức chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Những năm qua do nhiều yếu tố khách quan dẫn đến dự án BOT Trung Lương Mỹ Thuận gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai. Tuy nhiên, vào ngày 04 tháng 12 năm 2019, dự án đã chính thức được giải ngân số tiền 1.390 tỷ VND vốn Ngân sách Nhà nước. Doanh nghiệp dự án đang đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo mục tiêu hoàn thành dự án vào quý II năm 2021, điều chỉnh một số hạng mục đảm bảo thông tuyến vào cuối năm 2020. Với thỏa thuận hưởng lợi nhuận trên tỷ suất cố định của hợp đồng BOT thì nhà đầu tư không bị tổn thất giá trị. Bên cạnh đó, theo hợp đồng đã ký kết thì Công ty là người nắm giữ quyền, khi dự án hoàn thành thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuần Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng khoản đầu tư trên có hiệu quả và chắc chắn sẽ bảo toàn vốn đầu tư.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Phan Huy Thăng

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 13/2020/UQ-CPAVIETNAM

ngày 26/03/2020 của Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Ngọc Châm

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		871.213.287.317	1.475.906.629.674
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	70.292.549.741	120.592.676.434
1. Tiền	111		23.951.733.384	22.387.548.042
2. Các khoản tương đương tiền	112		46.340.816.357	98.205.128.392
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		34.906.843.447	33.486.004.391
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.11	34.906.843.447	33.486.004.391
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		669.772.789.630	1.254.506.624.498
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	32.542.861.196	26.886.296.624
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	276.147.228.415	478.498.068.407
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4a	182.189.435.553	85.472.985.493
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	192.263.846.474	669.971.065.649
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(13.370.582.008)	(6.321.791.675)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	27.718.090.169	29.856.254.874
1. Hàng tồn kho	141		27.718.090.169	29.856.254.874
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		68.523.014.330	37.465.069.477
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12a	820.257.841	442.441.942
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		65.664.790.188	34.869.131.996
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16a	2.037.966.301	2.153.495.539

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.389.006.489.008	7.886.774.757.101
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.443.235.293.841	1.242.252.008.636
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4b	231.425.250.000	231.425.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	1.211.810.043.841	1.010.826.758.636
II. Tài sản cố định	220		3.449.494.657.387	3.047.079.596.406
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	4.703.769.004	6.218.407.485
- Nguyên giá	222		20.772.415.915	19.768.089.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.068.646.911)	(13.549.681.658)
1. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.444.790.888.383	3.040.861.188.921
- Nguyên giá	228		4.714.151.114.244	3.962.808.765.731
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.269.360.225.861)	(921.947.576.810)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.875.193.545.790	3.095.995.598.533
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	3.875.193.545.790	3.095.995.598.533
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	784.648.901.897	155.503.877.144
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.11	781.138.901.897	155.503.877.144
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.11	3.510.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		836.434.090.093	345.943.676.382
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12b	544.029.006.594	328.985.805.930
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.20a	212.862.475.432	-
3. Lợi thế thương mại	269	5.13	79.542.608.067	16.957.870.452
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.260.219.776.325	9.362.681.386.775

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.358.039.921.452	5.870.098.964.819
I. Nợ ngắn hạn	310		2.144.274.227.836	1.999.186.753.749
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	311.632.712.969	46.258.974.909
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	465.673.068.166	3.728.755.037
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16b	41.639.066.634	49.885.708.593
4. Phải trả người lao động	314		12.347.709.694	828.773.360
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	47.377.496.033	41.171.820.351
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18a	548.016.785.937	394.455.562.829
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19a	714.013.278.031	1.460.435.390.420
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.574.110.372	2.421.768.250
II. Nợ dài hạn	330		5.213.765.693.616	3.870.912.211.070
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.18b	82.826.479.221	1.348.803.948
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19b	5.017.509.239.163	3.756.133.431.890
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.20b	113.429.975.232	113.429.975.232
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.902.179.854.873	3.492.582.421.956
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	3.902.179.854.873	3.492.582.421.956
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		84.425.408.490	66.007.873.083
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		978.493.407.654	654.195.456.683
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		654.173.576.006	545.157.468.347
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		324.319.831.648	109.037.988.336
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		907.055.640.633	840.173.694.094
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11.260.219.776.325	9.362.681.386.775

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020


 Dương Thị Nhung
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Chính
 Phó Tổng Giám đốc
 phụ trách Tài chính


 Phạm Thế Chính
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	733.698.220.254	617.422.287.344
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.22	20.763.964.440	16.871.695.631
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.22	712.934.255.814	600.550.591.713
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	229.786.872.230	192.995.454.717
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		483.147.383.584	407.555.136.996
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	263.116.350.290	309.773.996.048
7. Chi phí tài chính	22	5.25	171.372.954.206	216.221.629.111
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		171.341.443.572	216.153.468.774
8. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	5.11	(399.104.314)	(107.235.777)
9. Chi phí bán hàng	25	5.26	39.160.392.529	30.801.198.468
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.27	147.701.980.788	137.575.625.498
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		387.629.302.037	332.623.444.190
12. Thu nhập khác	31	5.28	506.705.434	1.158.898.849
13. Chi phí khác	32	5.29	8.189.370.904	1.746.466.341
14. Lỗ khác	40		(7.682.665.470)	(587.567.492)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		379.946.636.567	332.035.876.698
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.31	47.311.767.971	53.794.355.090
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	5.20	(212.862.475.432)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		545.497.344.028	278.241.521.608
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		345.025.576.272	185.856.905.188
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		200.471.767.756	92.384.616.420
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.32	1.775	953

Trong năm, Công ty phát sinh một khoản thu nhập tiềm tàng với giá trị ước tính là 5.259.995.958 VND có được từ chênh lệch lãi suất thực tế và lãi suất được dùng để tính thời gian khai thác hoàn vốn theo hợp đồng B.O.T, chi tiết tại Thuyết minh số 6.4. Nếu Công ty ghi nhận giá trị tài sản tiềm tàng này vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm thì khoản mục lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 550.757.339.986 VND.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020


 Dương Thị Nhung
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Chính
 Phó Tổng Giám đốc
 phụ trách Tài chính




 Phạm Thế Chính
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã TM số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	379.946.636.567	332.035.876.698
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	274.015.517.826	235.364.427.040
Các khoản dự phòng	03	7.048.790.333	86.609.181
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(70.909)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(262.685.735.342)	(309.598.529.025)
Chi phí lãi vay	06	171.341.443.572	216.153.468.774
Các khoản điều chỉnh khác	07	20.309.398.448	16.439.384.060
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	589.976.051.404	490.481.165.819
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(41.221.540.513)	71.219.166.897
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	1.097.098.952	15.212.032.044
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	41.586.076.171	(127.208.243.527)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(15.352.348.584)	11.296.352.621
Tiền lãi vay đã trả	14	(349.804.036.650)	(274.316.382.523)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(56.853.088.544)	(35.230.916.267)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	169.428.212.236	151.453.175.064
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(589.409.377.850)	(753.254.346.820)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	245.697.309.260
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(249.923.839.056)	(123.459.209.217)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	145.324.234.872	311.274.740.657
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.497.952.759	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	100.362.218.369	70.795.908.635
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(592.148.810.906)	(248.945.597.485)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)


(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(16.446.795.572)
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	919.228.171.301	1.226.248.732.832
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.1	(508.472.282.001)	(1.701.250.470.457)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(38.335.417.323)	(61.987.291.740)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		372.420.471.977	(553.435.824.937)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(50.300.126.693)	(650.928.247.358)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		120.592.676.434	771.520.852.883
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	70.909
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70		70.292.549.741	120.592.676.434

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020


Dương Thị Nhung
Người lập biểu


Nguyễn Văn Chính
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Tài chính


Phạm Thế Chính
Tổng Giám đốc



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CII”), trụ sở chính tại tầng 20, tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,4%.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**1.3. Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính**

Ngày 20 tháng 12 năm 2018, Bộ Giao thông Vận tải đã chấp thuận việc Công ty nhận 51% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên từ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc. Các thủ tục chuyển nhượng được hoàn tất trong tháng 1 năm 2019, do đó, Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên chính thức trở thành công ty con vào ngày 21 tháng 1 năm 2019. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên là doanh nghiệp dự án thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, nối tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh theo hình thức hợp đồng B.O.T.

Trong năm, Công ty TNHH Phát triển Cầu đường CII, một công ty con do Công ty sở hữu 99,99% vốn, đã bị giải thể theo Quyết định ngày 25 tháng 2 năm 2019 của Hội đồng Thành viên công ty này. Các thủ tục giải thể công ty con đã hoàn tất trong năm 2019 theo quy định hiện hành.

1.4. Cấu trúc công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
7. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
Công ty liên doanh				
1. Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50%	50%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát của Công ty được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lợi thế thương mại (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Nợ phải thu): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư (Tiếp theo)***

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập. Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý, việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được Nhà nước chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T mà Công ty đầu tư vốn từ ban đầu là chi phí phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)****Doanh thu thu phí giao thông**

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường dưới các hình thức theo mức quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (*xem chi tiết dưới đây*).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Nguyên tắc và phương pháp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư hợp đồng B.T, BOT, thu phí giao thông, thi công lắp đặt và duy tu công trình, hoạt động khác và hoạt động theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	1.236.467.374	526.822.614
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.715.266.010	21.860.725.428
Các khoản tương đương tiền	46.340.816.357	98.205.128.392
Cộng	70.292.549.741	120.592.676.434

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn gốc dưới 3 tháng. Trong đó bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm tương đương 4.610.000.000 VND đang được dùng để bảo lãnh thực hiện công trình tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	2.824.178.378
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.945.801.731	2.943.324.734
Phải thu khách hàng khác	22.296.282.491	21.118.793.512
Cộng	32.542.861.196	26.886.296.624
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	422.400.000	-
Công ty CII	-	78.792.086
Cộng	422.400.000	78.792.086

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T:	263.378.673.049	373.734.417.256
Công ty CII E&C	151.267.806.829	183.556.633.794
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mỏ Cà Nam	54.923.544.300	51.898.180.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mỏ Cà Bắc	45.626.195.184	43.477.638.984
Các nhà thầu khác	11.561.126.736	94.801.964.478
Trả trước tiền nhận chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	5.820.497.512	101.820.497.512
Công ty CP Thương mại Nước giải khát Khánh An	5.820.497.512	5.820.497.512
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	96.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	6.948.057.854	2.943.153.639
Cộng	276.147.228.415	478.498.068.407
<i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty CII E&C	151.267.806.829	183.556.633.794
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	123.772.000	-
Cộng	151.391.578.829	183.556.633.794

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.4 Phải thu về cho vay

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a. Ngắn hạn		
Công ty CII (i)	127.646.443.331	46.520.670.425
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Tài chính Lâm Viên (ii)	30.000.000.000	31.579.315.068
Các đối tượng khác	24.542.992.222	7.373.000.000
Cộng	182.189.435.553	85.472.985.493
b. Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (iii)	231.425.250.000	231.425.250.000
Cộng	231.425.250.000	231.425.250.000
Cộng các khoản phải thu về cho vay	413.614.685.553	316.898.235.493
Trong đó, phải thu về cho vay các bên liên quan		
Công ty CII (i)	127.646.443.331	46.520.670.425
Công ty CII E&C	8.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	4.943.000.000	-
Cộng	140.589.443.331	51.520.670.425

- (i) Số dư cuối kỳ theo hợp đồng cho vay có thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 với lãi suất cho vay là 11%/năm.
- (ii) Khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư đã ký ngày 6 tháng 2 năm 2018 với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Lâm Viên không có tài sản đảm bảo. Việc hợp tác đầu tư với công ty Lâm Viên nhằm mục đích tạo nguồn vốn linh động cho các bên, tăng hiệu quả sử dụng vốn và tiết kiệm chi phí lãi vay cho Công ty, ngày đáo của hợp đồng là 18 tháng 4 năm 2020, với lãi suất đầu tư cố định là 10,5%/năm.
- (iii) Khoản phải thu theo hợp đồng đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc với mục đích là để Tuần Lộc góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận. Ngày đáo hạn của hợp đồng là 30 tháng 6 năm 2021. Lãi suất cố định là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo là cổ phần mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc sở hữu tại Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.5 Phải thu khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Khoản tạm ứng lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	94.068.637.017	55.733.219.694
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (i)	20.499.760.615	20.309.398.447
Chi phí đầu tư các dự án không được cơ quan Nhà nước quyết toán, chờ thu hồi lại của nhà thầu và các bên liên quan khác	20.046.416.593	20.937.742.451
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi tiết kiệm	6.278.922.078	2.084.445.201
Các khoản chi hộ, thu hộ	4.815.725.551	4.851.774.321
Khoản trả trước tiền mua cổ phần của Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.782.660.000	2.782.660.000
Phải thu người lao động	721.537.290	684.613.107
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	14.000.000	14.000.000
Phải thu Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh theo hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	-	530.706.889.808
Phải thu Công ty CP Hoàng An	-	2.164.201.375
Các khoản phải thu khác	43.036.187.330	29.702.121.245
Cộng	192.263.846.474	669.971.065.649
b. Phải thu dài hạn		
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (i)	1.116.860.335.137	935.821.406.546
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	94.949.708.704	75.005.352.090
Cộng	1.211.810.043.841	1.010.826.758.636
Cộng các khoản phải thu khác	1.404.073.890.315	1.680.797.824.285
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CII	3.010.360.274	3.145.817.194
Trả trước tiền mua cổ phần của Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.777.100.000	2.777.100.000
Lãi cho vay	233.260.274	368.717.194
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	5.823.983.308	6.516.763.308
Lợi nhuận thu hộ	4.651.176.308	4.651.176.308
Tiền thu phí giao thông thu hộ	1.172.807.000	1.865.587.000
Công ty CII E&C - Lãi cho vay	1.184.666.666	203.608.333
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII - lãi cho vay	77.158.736	-
Cộng phải thu bên liên quan	10.096.168.984	9.866.188.835

5.5 Phải thu khác (tiếp theo)

(i) Chi tiết số dư lãi bảo toàn vốn chủ của các dự án B.O.T như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.047.439.214.714	846.503.339.022
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	59.992.649.806	78.144.521.427
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	29.928.231.232	31.482.944.544
	1.137.360.095.752	956.130.804.993
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(20.499.760.615)	(20.309.398.447)
Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới	1.116.860.335.137	935.821.406.546

(ii) Khoản phải thu Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh bao gồm vốn và lãi hợp tác đầu tư theo hợp đồng BCC ký ngày 10 tháng 8 năm 2017. Theo đó, Công ty hợp tác với công ty Yên Khánh để đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (doanh nghiệp dự án) với số tiền là 462.850.380.000 VND. Trong năm 2019, khoản tiền vốn gốc 462.850.380.000 VND đã được chuyển đổi thành vốn góp tăng thêm trong Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với 30% vốn điều lệ và khoản lãi còn lại được cần trừ với nợ phải trả cho Công ty CII theo thỏa thuận của các bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	31/12/2019		01/01/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	13.396.457.804	45.675.796	(13.350.782.008)	45.675.796	(6.321.791.675)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	19.800.000	-	(19.800.000)	-	-
Cộng	13.416.257.804	45.675.796	(13.370.582.008)	45.675.796	(6.321.791.675)

5.7 Hàng tồn kho	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.531.089.304	-	29.587.501.338	-
<i>Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác</i>	25.207.545.926	-	25.207.545.926	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	2.323.543.378	-	4.297.758.117	-
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	-	-	82.197.295	-
Hàng hóa	187.000.865	-	268.753.536	-
Cộng	27.718.090.169	-	29.856.254.874	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2019	7.842.894.831	5.728.217.718	4.641.492.704	1.555.483.890	19.768.089.143
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	-	51.818.182	952.508.590	-	1.004.326.772
Tại ngày 31/12/2019	7.842.894.831	5.780.035.900	5.594.001.294	1.555.483.890	20.772.415.915
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2019	4.781.721.993	4.546.604.800	2.996.424.815	1.224.930.050	13.549.681.658
Khấu hao trong năm	237.769.156	966.211.663	602.940.990	31.798.500	1.838.720.309
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	-	51.818.182	628.426.762	-	680.244.944
Tại ngày 31/12/2019	5.019.491.149	5.564.634.645	4.227.792.567	1.256.728.550	16.068.646.911
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	3.061.172.838	1.181.612.918	1.645.067.889	330.553.840	6.218.407.485
Tại ngày 31/12/2019	2.823.403.682	215.401.255	1.366.208.727	298.755.340	4.703.769.004

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 5.070.292.248 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019: 2.979.071.479 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2019	3.961.310.616.731	733.149.000	765.000.000	3.962.808.765.731
Đầu tư XD/CB hoàn thành	4.192.348.265	-	-	4.192.348.265
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	752.730.633.886	-	-	752.730.633.886
Giảm do thoái vốn công ty con trong năm	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Điều chỉnh giảm giá trị quyền thu phí (i)	(5.530.633.638)	-	-	(5.530.633.638)
Tại ngày 31/12/2019	4.712.702.965.244	733.149.000	715.000.000	4.714.151.114.244
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2019	921.688.943.793	-	258.633.017	921.947.576.810
Khấu hao trong năm	259.083.110.846	-	187.884.819	259.270.995.665
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	88.159.141.964	-	-	88.159.141.964
Giảm do thoái vốn công ty con trong năm	-	-	(17.488.578)	(17.488.578)
Tại ngày 31/12/2019	1.268.931.196.603	-	429.029.258	1.269.360.225.861
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2019	3.039.621.672.938	733.149.000	506.366.983	3.040.861.188.921
Tại ngày 31/12/2019	3.443.771.768.641	733.149.000	285.970.742	3.444.790.888.383

- (i) Trong năm, Công ty đã điều chỉnh giảm nguyên giá của Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, quyền thu phí giao thông của Công ty bao gồm:

- a. **Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 581.138.260.482 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Việc thu phí hoàn vốn đã chính thức được thực hiện từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 30% doanh thu thu phí của dự án. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về phương pháp và tỷ lệ khấu hao.

Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

5.9 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**b. Quyền thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.643.858.709.153 VND. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 10% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

c. Quyền thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ đường ĐT 741

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 672.113.302.847 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT 741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 9 năm 2011. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 7,77%.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 VND, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

d. Quyền thu phí giao thông cầu Rạch Miễu

Công ty được phép thu phí giao thông cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang. Đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Nguyên giá của tài sản được ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra và được tính vào giá trị của dự án là 495.607.637.262 VND. Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 12 năm 3 tháng bao gồm cả 3 năm tạo lợi nhuận cho nhà đầu tư, dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 7 năm 2021. Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí này theo doanh thu với tỷ lệ hiện nay là 32%.

5.9 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**d. Quyền thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ cầu Rạch Miễu (tiếp theo)**

Tại ngày mua Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu - doanh nghiệp đầu tư và quản lý trực tiếp dự án này, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con theo phương pháp chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai từ hoạt động thu phí Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 290.719.123.179 VND. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến ngày dự kiến kết thúc thời gian thu phí, phù hợp với thời gian phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con này.

e. Quyền thu phí giao thông cầu Cổ Chiên

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên trong năm, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 752.835.179.341 VND, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2016. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 20% doanh thu thu phí của dự án.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các quyền thu phí để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*chi tiết xem tại Thuyết minh số 5.19*).

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày đầu năm và cuối năm là 125.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	2.861.969.685.308	2.640.050.508.159
Dự án Đầu tư Xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu và cầu Cổ Chiên (ii)	990.487.159.561	447.868.693.272
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	22.736.700.921	3.477.412.171
Các dự án khác	-	4.598.984.931
Cộng	3.875.193.545.790	3.095.995.598.533

- (i) Dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội được thực hiện theo hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao số 03/2009/HĐ-B.O.T ngày 25 tháng 11 năm 2009 ký với Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh. Tổng mức đầu tư đã được điều chỉnh của dự án (không bao gồm chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu và thuế VAT) là 4.905.857.000.000 VND, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 20% và 80%. Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội (nhằm hoàn vốn đầu tư Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội), quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội để thế chấp cho khoản vay như đã trình bày ở Thuyết minh số 5.19.
- (ii) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2) theo hình thức hợp đồng B.O.T được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Tổng mức đầu tư của dự án (giai đoạn 2) là 1.752.053.000.000 VND, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 30% và 70%. Thời gian thu phí hoàn vốn đầu tư ước tính khoảng 14 năm 8 tháng.

5.11 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh (tiếp theo)

Trong năm, giá trị của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá trị ghi sổ tại thời điểm đầu năm	155.503.877.144	160.945.562.010
Thay đổi trong năm	625.635.024.753	(5.441.684.866)
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	(399.104.314)	(107.235.777)
Giá trị ghi sổ tăng trong năm	626.034.129.067	-
Điều chỉnh giảm khác	-	(5.334.449.089)
Giá trị ghi sổ tại thời điểm cuối năm	781.138.901.897	155.503.877.144

5.12 Chi phí trả trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	177.308.235	208.663.200
Công cụ, dụng cụ, vật tư xuất dùng	68.355.996	57.463.134
Chi phí khác chờ phân bổ	574.593.610	176.315.608
	820.257.841	442.441.942
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i)	500.039.288.928	296.478.275.380
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	24.189.669.356	32.501.300.150
Chi phí khác chờ phân bổ	19.800.048.310	6.230.400
	544.029.006.594	328.985.805.930
Cộng	544.849.264.435	329.428.247.872

(i) Chi tiết lãi vay của các dự án BOT:

Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	293.570.283.268	184.925.644.745
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm	96.461.225.566	103.688.734.619
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	13.568.927.453	7.863.896.016
Dự án cầu Cổ Chiên	96.438.852.641	-
	500.039.288.928	296.478.275.380

Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là 10%; Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 20% và dự án cầu Cổ Chiên là 11%. Tỷ lệ phân bổ của dự án Xa lộ Hà Nội sẽ được xác định khi dự án chính thức được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.13 Lợi thế thương mại

	Giá trị ghi sổ VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	201.975.395.794
Hợp nhất kinh doanh trong năm (i)	75.490.539.467
Tại ngày 31/12/2019	277.465.935.261
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	185.017.525.342
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	12.905.801.852
Tại ngày 31/12/2019	197.923.327.194
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	16.957.870.452
Tại ngày 31/12/2019	79.542.608.067

(i) Hợp nhất kinh doanh trong năm

Ngày 21 tháng 1 năm 2019, Công ty chính thức đạt được quyền kiểm soát Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên với tỷ lệ sở hữu là 51%, do đó Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này. Giao dịch hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Công ty tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Điều chỉnh cho giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.498.819.849	-	1.498.819.849
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.176.410.493	-	14.176.410.493
Các tài sản ngắn hạn khác	9.995.453	-	9.995.453
Tài sản cố định hữu hình	324.081.828	-	324.081.828
Tài sản cố định vô hình	664.571.491.922	-	664.571.491.922
Tài sản dài hạn khác	31.600.246.714	-	31.600.246.714
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(7.373.000.000)	-	(7.373.000.000)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(633.287.185.583)	-	(633.287.185.583)
Nợ ngắn hạn khác	(10.541.526.297)	-	(10.541.526.297)
Tài sản thuần có thể xác định được	60.979.334.379	-	60.979.334.379
Giá phí hợp nhất kinh doanh	106.590.000.000	-	106.590.000.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát			29.879.873.846
Tổng nguồn tài trợ cho tài sản thuần			136.469.873.846
Lợi thế thương mại			75.490.539.467

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Phải trả bên liên quan (i)	202.055.504.652	202.055.504.652	18.134.215.526	18.134.215.526
Các nhà cung cấp khác	109.577.208.317	109.577.208.317	28.124.759.383	28.124.759.383
Cộng	311.632.712.969	311.632.712.969	46.258.974.909	46.258.974.909

(i) Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

Công ty CII	158.773.301.802	158.773.301.802	-	-
Công ty CII E&C	22.606.065.467	22.606.065.467	10.746.238.186	10.746.238.186
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	18.005.930.855	18.005.930.855	5.639.189.090	5.639.189.090
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	2.670.206.528	2.670.206.528	1.333.333.000	1.333.333.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	-	-	415.455.250	415.455.250
Cộng	202.055.504.652	202.055.504.652	18.134.215.526	18.134.215.526

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Người mua trả tiền trước về chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp		
Công ty CII	462.850.380.000	-
Người mua trả tiền trước về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty CP BOT Quốc Lộ 20 Lâm Đồng	1.200.000.000	1.200.000.000
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	860.780.150	1.398.915.150
Các khách hàng khác	761.908.016	1.129.839.887
Cộng	465.673.068.166	3.728.755.037

Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan

Công ty CII	462.850.380.000	-
Công ty CII E&C	-	35.550.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	584.700.676	147.433.608	-	437.267.068
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.177.551.111	119.556	10.909.091	1.188.340.646
Thuế thu nhập cá nhân	-	17.327.614	17.327.614	-
Tiền thuế đất nộp thừa	391.243.752	46.585.167	-	344.658.585
Các khoản phí và lệ phí	-	-	67.700.002	67.700.002
Cộng	2.153.495.539	211.465.945	95.936.707	2.037.966.301
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.202.041.444	41.150.606.226	40.593.270.225	2.759.377.445
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.257.413.244	47.924.814.918	56.842.179.453	38.340.048.709
Thuế thu nhập cá nhân	426.253.905	1.347.843.017	1.278.762.451	495.334.471
Các loại thuế khác	-	25.000.000	25.000.000	-
Các khoản phí và lệ phí	-	541.020.830	496.714.821	44.306.009
Cộng	49.885.708.593	90.989.284.991	99.235.926.950	41.639.066.634

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	37.773.038.569	35.869.323.156
Chi phí phải trả về thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị, duy tu	7.484.752.609	3.312.517.142
Chi phí phải trả khác	2.119.704.855	1.989.980.053
Cộng	47.377.496.033	41.171.820.351

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.18 Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	90.483.419	6.523.932
Bảo hiểm xã hội	37.292.891	37.292.889
Bảo hiểm y tế	6.045.848	6.045.845
Bảo hiểm thất nghiệp	399.638	399.630
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	360.528.096.472	197.041.234.220
Phải trả chi phí sử dụng vốn	80.320.149.399	160.585.399.104
Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn	93.883.078.709	21.584.078.709
Các khoản thu hộ	5.551.176.308	5.551.176.308
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	64.439.690	95.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.535.623.563	9.548.412.192
	548.016.785.937	394.455.562.829
b. Dài hạn		
Phải trả chi phí sử dụng vốn	76.014.387.963	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	76.000.000	112.712.690
Các khoản thu hộ	6.736.091.258	1.236.091.258
	82.826.479.221	1.348.803.948
Cộng các khoản phải trả khác	630.843.265.158	395.804.366.777
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty CII	542.075.880.348	351.666.532.729
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	360.435.736.372	196.976.479.700
<i>Phải trả chi phí sử dụng vốn</i>	87.757.065.267	133.105.974.320
<i>Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn</i>	93.883.078.709	21.584.078.709
Lãi trái phiếu, lãi vay phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	60.844.138.761	19.912.758.117
Lãi trái phiếu phải trả Công ty CII E&C	7.733.333.334	7.566.666.667
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	76.000.000	76.000.000
Cộng	610.729.352.443	379.221.957.513

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	502.692.962.962	502.692.962.962	149.000.000.000	-	353.692.962.962	353.692.962.962
Công ty CII	-	-	400.000.000.000	1.248.559.130.000	848.559.130.000	848.559.130.000
Công ty CII EC	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (<i>xem Thuyết minh b</i>)	91.463.000.000	91.463.000.000			258.183.297.458	258.183.297.458
Trái phiếu phát hành						
Trái phiếu HNHIC_2017 300 tỷ	119.857.315.069	120.000.000.000	119.857.315.069	-	-	-
phát hành tháng 5 năm 2017	714.013.278.031	714.155.962.962	868.857.315.069	1.448.559.130.000	1.460.435.390.420	1.460.435.390.420
Cộng						

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	353.692.962.962	Thanh toán khi bên cho vay yêu cầu		Lãi suất trong kỳ là 10,5% Lãi suất trong kỳ là 12,5%	Tài trợ kinh phí cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.	Không có tài sản đảm bảo. Không có tài sản đảm bảo.
	<u>149.000.000.000</u>					
	502.692.962.962					

Thông tin bổ sung cho trái phiếu chưa đáo hạn**Trái phiếu HNHC_2017_300 tỷ phát hành tháng 5 năm 2017**

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 300 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII;
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi số;
- Ngày phát hành: 19 tháng 5 năm 2017;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 1 năm một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam + biên độ 3,2%/năm.
- Mục đích: Tăng quy mô vốn hoạt động, tài trợ thanh toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

Trong năm 2018, Công ty đã thanh toán trước hạn gốc trái phiếu với giá trị là 180 tỷ VND cho Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 2 năm 2020, Công ty đã thanh toán trước hạn gốc trái phiếu với giá trị là 120 tỷ VND cho Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII, do đó Công ty phân loại khoản nợ gốc trái phiếu này từ dài hạn sang ngắn hạn tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
5.19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)						
b. Dài hạn						
Vay dài hạn	5.017.509.239.163	5.017.509.239.163	1.488.084.106.884	273.631.282.001	3.636.336.116.822	3.636.336.116.822
Ngân hàng						
Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	2.957.756.525.146	2.957.756.525.146	-	70.400.000.000	3.028.156.525.146	3.028.156.525.146
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	748.678.688.515	748.678.688.515	431.898.659.199	98.647.984.543	415.428.013.859	415.428.013.859
Ngân hàng BIDV - CN Thành phố Hồ Chí Minh	638.422.635.583	638.422.635.583	644.422.635.583	6.000.000.000	-	-
Công ty CII	385.708.750.000	385.708.750.000	385.708.750.000	-	-	-
Ngân hàng BIDV - CN Tây Sài Gòn	340.049.568.925	340.049.568.925	-	26.088.000.000	366.137.568.925	366.137.568.925
Ngân hàng BIDV - CN Bình Dương	38.356.070.994	38.356.070.994	26.054.062.102	72.495.297.458	84.797.306.350	84.797.306.350
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(91.463.000.000)	(91.463.000.000)			(258.183.297.458)	(258.183.297.458)
Trái phiếu phát hành	-	-	60.000.001	119.857.315.069	119.797.315.068	120.000.000.000
Trái phiếu HNHCB_2017 300 tỷ phát hành tháng 5 năm 2017	-	-	60.000.001	119.857.315.069	119.797.315.068	120.000.000.000
Cộng vay và nợ dài hạn	5.017.509.239.163	5.017.509.239.163	1.488.144.106.885	393.488.597.070	3.756.133.431.890	3.756.336.116.822

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	1.679.786.972.974	15 năm	31/12/2029	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,3%-10,2%	Đầu tư xây dựng Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội theo hình thức hợp đồng B.O.T.	Toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội, quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án.
	20.600.000.000		23/07/2020	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10%	Tài trợ cho Dự án Đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 1.	Quyền thu phí giao thông, các quyền lợi phát sinh khác trong quá trình thu phí thuộc dự án và quyền được nhận số tiền bảo hiểm mọi rủi ro cho tài sản thuộc dự án.
	1.257.369.552.172	15 năm	13/02/2030	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 8,8%-10%	Tài trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T, giai đoạn 2.	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.
	2.957.756.525.146					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	748.678.688.515	12 năm	14/06/2033	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,91%-10,21%	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên.	Tất cả các nguồn thu từ dự án.
	748.678.688.515					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	638.422.635.583	216 tháng	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 11,4%-11,5%	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cổ Chiên - Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và Bến Tre theo hình thức hợp đồng B.O.T.	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản hình thành của dự án, quyền và lợi ích khác phát sinh từ hợp đồng B.O.T.
	638.422.635.583					
Công ty CII	385.708.750.000	9 năm	13/04/2024	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 4,25%	Đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc.	Cổ phần của Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu.
	385.708.750.000					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	184.480.000.000	8,5 năm	25/11/2023	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,5%	Thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận.	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được trong từ các khoản đầu tư.
	155.569.568.925	7 năm	02/12/2022		Thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu.	
	340.049.568.925					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	38.356.070.994	7 năm	11/06/2024	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10,5%	Tài trợ kinh phí trung tu đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương.	Quyền quản lý và thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T và nguồn thu hợp pháp từ các dịch vụ khác trên tuyến đường thu phí hoàn vốn đầu tư dự án.
	38.356.070.994					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	91.463.000.000	258.183.297.458
Trong năm thứ hai	147.969.000.000	87.360.984.543
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	906.282.389.919	537.638.577.817
Sau năm năm	3.963.257.849.244	3.011.336.554.462
	5.108.972.239.163	3.894.519.414.280
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(91.463.000.000)	(258.183.297.458)
Cộng	5.017.509.239.163	3.636.336.116.822

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.20 Thuế thu nhập hoãn lại

	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (i) VND	Thu nhập được khấu trừ thuế trong tương lai (ii) VND	Chi phí quản lý thu phí giao thông trích trước VND	Cộng VND
a. Tài sản thuế hoãn lại				
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2019	-	-	-	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	(212.487.475.432)	(375.000.000)	(212.862.475.432)
Tại ngày 31/12/2019	-	212.487.475.432	375.000.000	212.862.475.432
b. Thuế hoãn lại phải trả				
Tại ngày 01/01/2018	113.429.975.232	-	-	113.429.975.232
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Tại ngày 01/01/2019	113.429.975.232	-	-	113.429.975.232
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Tại ngày 31/12/2019	113.429.975.232	-	-	113.429.975.232
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất				(212.862.475.432)

(i) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời do đánh giá lại giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG và Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu như đã nêu tại Thuyết minh số 5.9. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả này được ghi nhận theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi là 20% và được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua giá rẻ hoặc lợi thế thương mại khi hợp nhất kinh doanh mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả sẽ được hoàn nhập khi Công ty thanh lý tài sản.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có một khoản thu nhập sẽ được sử dụng để khấu trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội với giá trị là 1.047.439.214.714 VND và Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với giá trị là 59.992.649.806 VND. Theo hướng dẫn tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trong giai đoạn đầu tư sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí của dự án khi dự án đi vào hoạt động, đồng thời, Công ty phải kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm. Đến thời điểm này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu phí giao thông để hoàn vốn dự án là chắc chắn, do đó Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ đã tính nộp thuế lũy kế đến ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.21 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2018	1.928.547.650.000	3.657.748.096	51.283.335.276	486.700.922.072	617.644.971.624	3.087.834.627.068					
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	185.856.905.188	-	278.241.521.608					
Chia cổ tức	-	-	-	-	(117.124.241.722)	(117.124.241.722)					
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	-	-	-	270.676.000.000					270.676.000.000
Cổ đông không kiểm soát thoái vốn	-	-	-	-	-	(26.260.175.572)					(26.260.175.572)
Thay đổi phần sở hữu của Công ty mẹ và Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(749.265.409)	-	2.852.523.344					2.103.257.935
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	14.724.537.807	(17.613.105.168)	-	(2.888.567.361)					
Tại ngày 01/01/2019	1.928.547.650.000	3.657.748.096	66.007.873.083	654.195.456.683	840.173.694.094	3.492.582.421.956					
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	345.025.576.272	-	545.497.344.028					
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(163.486.862.252)					
Hợp nhất kinh doanh trong năm	-	-	-	-	-	29.879.873.846					29.879.873.846
Thoái vốn công ty con	-	-	-	-	-	(4.987.434)					(4.987.434)
Thay đổi phần sở hữu của Công ty mẹ và lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(21.880.677)	-	21.880.677					-
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	18.417.809.353	(20.705.744.624)	-	(2.287.935.271)					
Điều chỉnh khác	-	-	(273.946)	-	-	273.946					
Tại ngày 31/12/2019	1.928.547.650.000	3.657.748.096	84.425.408.490	978.493.407.654	907.055.640.633	3.902.179.854.873					

5.21 **Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

b. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 ngày 23 tháng 4 năm 2019, cổ tức năm 2018 tạm thời chưa được chia cho các cổ đông. Lợi nhuận năm 2018 được tích lũy và chia ở các năm sau khi nguồn thu lợi nhuận từ các dự án đủ để chia theo kế hoạch dòng tiền của Công ty.

Cổ tức năm 2019 được ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, tỷ lệ và hình thức chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty.

5.22 **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	722.325.161.820	586.713.611.821
Doanh thu từ hoạt động duy tu, xây lắp công trình	9.761.170.205	28.814.955.894
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.611.888.229	1.893.719.629
	733.698.220.254	617.422.287.344
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(20.309.398.448)	(16.439.384.060)
Giảm giá hàng bán	(454.565.992)	(432.311.571)
	(20.763.964.440)	(16.871.695.631)
Doanh thu thuần	712.934.255.814	600.550.591.713
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	246.197.914	590.892.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.23 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	219.867.045.931	162.878.842.243
Giá vốn hoạt động xây dựng, duy tu, xây lắp công trình	9.306.126.409	29.350.161.596
Giá vốn cung cấp dịch vụ	613.699.890	766.450.878
Cộng	229.786.872.230	192.995.454.717

5.24 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T	200.935.875.692	197.764.389.202
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	62.180.474.598	96.501.187.109
Lãi trả chậm	-	15.508.348.828
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	70.909
Cộng	263.116.350.290	309.773.996.048

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	6.862.492.368	17.546.496.395
Công ty CII E&C	1.206.193.056	248.655.555
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	93.599.014	-
Cộng	8.162.284.438	17.795.151.950

5.25 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	171.341.443.572	216.153.468.774
Lỗ phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	68.160.337
Lỗ từ giải thể công ty con	31.510.634	-
Cộng	171.372.954.206	216.221.629.111

Trong đó, chi phí lãi vay phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	52.478.176.275	70.488.635.329
Chi phí lãi vay	52.478.176.275	70.420.474.992
Lỗ phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc	-	68.160.337
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	28.986.389.069	18.312.602.895
Cộng	81.464.565.344	88.801.238.224

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.26 Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lương nhân viên	13.554.937.510	5.976.127.189
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	22.505.246.530	23.223.235.254
Chi phí in vé thu phí giao thông	2.047.963.241	673.608.235
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.052.245.248	928.227.790
Cộng	39.160.392.529	30.801.198.468

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	22.303.636.365	21.675.755.201
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	215.000.000	-
Cộng	22.518.636.365	21.675.755.201

5.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	12.905.801.852	45.271.414.080
Chi phí lương nhân viên	23.753.302.541	16.478.396.403
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	1.440.994.659	1.295.572.345
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.680.445.905	62.856.135.362
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	7.048.790.333	5.384.842.984
Chi phí thuê văn phòng	986.398.808	861.031.273
Chi phí tiếp khách	1.893.111.557	2.036.223.509
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.993.135.133	3.392.009.542
Cộng	147.701.980.788	137.575.625.498

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	1.137.573.517	1.009.804.500
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	4.000.000	-
Cộng	1.141.573.517	1.009.804.500

5.28 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	384.000.000	384.000.000
Thu nhập từ xóa các khoản nợ phải trả	-	562.158.462
Thu nhập khác	122.705.434	212.740.387
Cộng	506.705.434	1.158.898.849

Trong đó, thu nhập phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	384.000.000	288.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	96.000.000
Cộng	384.000.000	384.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.29 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí tài sản cho thuê	1.096.047.099	775.661.902
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, truy thu thuế	2.554.987.574	936.591.916
Chi phí khác	4.538.336.231	34.212.523
Cộng	8.189.370.904	1.746.466.341

5.30 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.005.117.527	1.778.125.215
Chi phí nhân công	35.176.825.139	23.877.054.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	178.422.643.846	189.070.451.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.819.498.366	57.060.690.636
Chi phí bằng tiền khác	8.489.942.650	4.720.102.941
Cộng	266.914.027.528	276.506.425.003

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.31 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019		Năm 2018	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	319.213.409.973	60.733.226.594	273.353.268.942	58.682.607.756
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	12.648.653.388	147.399.373.360	1.997.183.899	150.403.931.076
Lỗi thanh lý khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo hợp nhất	-	31.510.634	-	-
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	-	399.104.314	-	107.235.777
Phân bổ giá trị của quyền thu phí được định giá lại khi hợp nhất	-	96.021.319.616	-	62.104.088.576
Lợi thế thương mại phân bổ	-	12.905.801.852	-	45.271.414.080
Hoàn nhập lợi nhuận/lỗ chịu thuế bị bù trừ khi hợp nhất	-	30.821.180.665	-	(19.191.087.537)
Chi phí lãi vay không được trừ	3.356.584.731	2.065.411.998	2.070.015.265	61.280.307.803
Lỗ sau thuế được chia từ dự án đầu tư cầu Rạch Chiếc	-	-	-	68.160.337
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	9.292.068.657	5.155.044.281	576.874.189	1.181.820.669
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	(649.705.555)	(418.008.629)
Tổng thu nhập chịu thuế	331.862.063.361	208.132.599.954	275.350.452.841	209.086.538.832
Lỗ tính thuế mang sang	(23.178.040.021)	(54.545.455)	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	308.684.023.340	208.078.054.499	275.350.452.841	209.086.538.832
Thu nhập chịu thuế 20%	-	208.078.054.499	-	209.086.538.832
Thu nhập chịu thuế 10%	308.684.023.340	-	275.350.452.841	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	30.868.402.334	41.615.610.900	27.535.045.284	41.817.307.767
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(6.021.759.980)	-	(4.499.218.049)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(12.423.321.177)	-	(11.130.204.898)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	(6.840.738.568)	113.574.462	71.424.986	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.582.582.609	41.729.185.362	11.977.047.323	41.817.307.767

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

5.31 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)

Tháng 12 năm 2019, Chính phủ đã công bố dự thảo sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 8 của Nghị định 20/2017/NĐ-CP (“NĐ 20”) ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và áp dụng cho năm tài chính 2019. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nghiên cứu các bất cập của NĐ 20, các ý kiến chỉ đạo của Chính phủ và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, Công ty tin tưởng rằng dự thảo sửa đổi chắc chắn sẽ được thông qua. Do đó Công ty quyết định áp dụng điều khoản sửa đổi này khi xác định lãi vay được trừ khi quyết toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.

5.32 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	345.025.576.272	185.856.905.188
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.791.252.652)	(2.158.682.217)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	342.234.323.620	183.698.222.971
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.775	953

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo tài chính hợp nhất năm trước để phản ánh quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2019. Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính theo tỷ lệ 1% lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng.

6 THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Chuyển khoản phải thu về hợp tác đầu tư sang đầu tư vào công ty liên doanh	462.850.380.000	-
Cần trừ nợ vay với khoản nhận trước về chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên doanh	462.850.380.000	-
Công ty con chuyển nợ gốc hỗ trợ vốn thành vốn chủ sở hữu	-	307.504.218.936
Công ty con chuyển nợ gốc trái phiếu thường thành vốn chủ sở hữu	-	180.000.000.000
Công ty con chuyển nợ lãi hỗ trợ vốn thành vốn chủ sở hữu	-	64.895.781.064
	925.700.760.000	552.400.000.000

6.1 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Tiếp theo)

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	463.088.171.301	702.476.732.832
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	1.056.140.000.000	523.772.000.000
	1.519.228.171.301	1.226.248.732.832
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	273.631.282.001	1.359.394.897.458
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	100.000.000.000
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	834.841.000.000	292.332.572.999
	1.108.472.282.001	1.751.727.470.457

6.2 Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 4 bộ phận như sau: hoạt động đầu tư theo hình thức hợp đồng B.T; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; dịch vụ cho thuê mặt bằng và dịch vụ tư vấn thu phí giao thông; hoạt động thu phí giao thông. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động đầu tư theo hình thức hợp đồng B.T: đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cho thuê mặt bằng, tư vấn thu phí giao thông: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T	Thi công lắp đặt, duy tu công trình	Cho thuê mặt bằng, tư vấn thu phí giao thông	Hoạt động thu phí giao thông	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
Doanh thu thuần						
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	9.306.604.213	1.611.888.229	702.015.763.372	-	712.934.255.814
Cộng	-	9.306.604.213	1.611.888.229	702.015.763.372	-	712.934.255.814
Giá vốn						
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	-	9.306.126.409	613.699.890	219.867.045.931	-	229.786.872.230
Cộng	-	9.306.126.409	613.699.890	219.867.045.931	-	229.786.872.230
Lợi nhuận gộp bộ phận	-	477.804	998.188.339	482.148.717.441	-	483.147.383.584
Doanh thu hoạt động tài chính	22.483.113					263.116.350.290
Chi phí tài chính	-					171.372.954.206
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-					(399.104.314)
Chi phí bán hàng	-					39.160.392.529
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.414.364					147.701.980.788
Thu nhập khác	-					506.705.434
Chi phí khác	-					8.189.370.904
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.013.750					47.311.767.971
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	-					(212.862.475.432)
Tổng lợi nhuận sau thuế	4.054.999					545.497.344.028

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T	Thi công lắp đặt, duy tu công trình	Cho thuê mặt bằng, tư vấn thu phí giao thông	Hoạt động thu phí giao thông	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
Doanh thu thuần						
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	28.382.644.323	1.893.719.629	570.274.227.761	-	600.550.591.713
Cộng	-	28.382.644.323	1.893.719.629	570.274.227.761	-	600.550.591.713
Giá vốn						
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	-	29.350.161.596	766.450.878	162.878.842.243	-	192.995.454.717
Cộng	-	29.350.161.596	766.450.878	162.878.842.243	-	192.995.454.717
Lợi nhuận gộp bộ phận	-	(967.517.273)	1.127.268.751	407.395.385.518	-	407.555.136.996
Doanh thu hoạt động tài chính	15.515.190.976					309.773.996.048
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty	-					(107.235.777)
Chi phí tài chính	-					216.221.629.111
Chi phí bán hàng	-					30.801.198.468
Chi phí quản lý doanh nghiệp	379.599.610					137.575.625.498
Thu nhập khác	79.514.115					1.158.898.849
Chi phí khác	-					1.746.466.341
Chi phí thuế TNDN hiện hành	775.417.442					53.794.355.090
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	-					-
Tổng lợi nhuận sau thuế	14.360.173.924					278.241.521.608

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động tại chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Bộ phận quản lý, thi công lắp đặt duy tu công trình, cho thuê mặt bằng và tư vấn được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động thu phí giao thông được thực hiện tại các tỉnh còn lại.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thành phố Hồ Chí Minh	9.555.765.172	29.406.591.228
Tỉnh Ninh Thuận	233.094.104.275	218.821.750.481
Tỉnh Bến Tre	227.684.904.546	204.546.790.910
Tỉnh Bình Dương	161.284.327.277	147.775.459.094
Tỉnh Trà Vinh	81.315.154.544	-
Cộng	712.934.255.814	600.550.591.713

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giao dịch với Công ty CII		
Cần trừ nợ vay với khoản nhận trước về chuyển nhượng khoản đầu tư vào Dự án Trung Lương-Mỹ Thuận	462.850.380.000	-
Phải trả khoản đầu tư vào Dự án Trung Lương-Mỹ Thuận	160.937.503.177	-
Thanh toán khoản đầu tư vào Dự án Trung Lương-Mỹ Thuận	2.164.201.375	-
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	163.459.256.672	66.892.735.486
Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong năm	-	11.755.001.131
Nhận tiền hỗ trợ vốn	307.140.000.000	148.772.000.000
Thanh toán tiền hỗ trợ vốn	234.841.000.000	271.025.535.961
Lãi vay hỗ trợ vốn đầu tư vào các dự án B.O.T chưa khai thác	-	6.648.118.871
Lãi vay hỗ trợ vốn, lãi trái phiếu liên quan đến xây dựng cơ bản dở dang	-	22.788.515.616
Thanh toán lãi vay, lãi trái phiếu	92.291.152.782	25.980.682.222
Thanh toán khoản lãi vốn chủ nhận bàn giao	-	6.992.659.506
Chuyển tiền cho vay	191.600.000.000	60.000.000.000
Nhận lại tiền cho vay	110.474.227.094	91.024.740.657
Thu lãi cho vay	1.462.016.742	8.045.259.343
Hoàn trả tiền vốn góp	-	15.348.000.000
Giao dịch với Công ty CII E&C		
Chi phí thi công xây dựng công trình	174.306.530.698	315.921.449.656
Thanh toán giá trị thi công xây dựng công trình	146.765.549.502	276.783.687.894
Lãi trái phiếu liên quan đến xây dựng cơ bản dở dang phải trả	12.166.666.667	12.166.666.667
Thanh toán lãi trái phiếu	12.000.000.000	12.166.666.667
Chuyển tiền cho vay	22.000.000.000	12.000.000.000
Nhận lại tiền cho vay	19.000.000.000	7.000.000.000
Thu lãi cho vay	225.134.723	45.047.222

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giao dịch với Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia		
Chi phí thuê văn phòng	1.137.553.517	1.009.804.500
Thanh toán tiền thuê văn phòng	1.666.764.120	923.148.600
Giao dịch với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Chi phí thi công công trình xây lắp	215.000.000	37.146.329.331
Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	360.272.000	38.824.465.650
Chi phí duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	17.790.978.032	9.175.027.850
Thanh toán chi phí duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	7.203.334.071	5.535.606.825
Chuyển tiền cho vay	4.943.000.000	-
Thu lãi cho vay	16.440.278	-
Thu tiền cho thuê tài sản	4.400.000	176.000.000
Giao dịch với Công ty TNHH Dịch vụ MCSC		
Chi phí thu hộ phí giao thông	22.303.636.365	21.675.755.201
Thanh toán phí thu hộ phí giao thông	23.413.333.000	24.610.905.246
Chi phí duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	811.531.073	5.343.758.197
Thanh toán chi phí duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	654.857.000	5.535.102.444
Thu tiền cho thuê tài sản	-	316.800.000
Giao dịch với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền Hợp tác đầu tư	149.000.000.000	375.000.000.000
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	28.986.389.069	18.312.602.895
Lãi vay hỗ trợ vốn, lãi trái phiếu liên quan đến xây dựng cơ bản dở dang	11.944.991.575	10.682.007.073
Thanh toán tiền hỗ trợ vốn	-	21.307.037.038
Thanh toán nợ gốc trái phiếu	-	100.000.000.000
Thanh toán lãi vay, lãi trái phiếu	-	13.831.851.851

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lương và thưởng	3.132.767.017	4.327.357.941

6.4 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	70.292.549.741	120.592.676.434
Các khoản cho vay	413.614.685.553	316.898.235.493
Phải thu khách hàng	19.172.279.188	20.564.504.949
Phải thu khác	74.912.788.842	591.145.787.508
Các khoản đầu tư tài chính	819.555.745.344	188.989.881.535
Cộng	1.397.548.048.668	1.238.191.085.919
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	311.632.712.969	46.258.974.909
Phải trả khác	630.843.265.158	395.804.366.777
Chi phí phải trả	47.377.496.033	41.171.820.351
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	5.731.522.517.194	5.216.568.822.310
Cộng	6.721.375.991.354	5.699.803.984.347

6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu và nhận định rằng chưa có rủi ro về giá cổ phiếu Công ty đang đầu tư.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại 31/12/2019				
Phải trả người bán	311.632.712.969	-	-	311.632.712.969
Phải trả khác	548.016.785.937	82.826.479.221	-	630.843.265.158
Chi phí phải trả	47.377.496.033	-	-	47.377.496.033
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	714.013.278.031	1.054.251.389.919	3.963.257.849.244	5.731.522.517.194
Cộng	1.621.040.272.970	1.137.077.869.140	3.963.257.849.244	6.721.375.991.354
Tại 01/01/2019				
Phải trả người bán	46.258.974.909	-	-	46.258.974.909
Phải trả khác	394.455.562.829	1.348.803.948	-	395.804.366.777
Chi phí phải trả	41.171.820.351	-	-	41.171.820.351
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.580.232.705.488	624.999.562.360	3.011.336.554.462	5.216.568.822.310
Cộng	2.062.119.063.577	626.348.366.308	3.011.336.554.462	5.699.803.984.347

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)****Tại 31/12/2019**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và tương đương tiền	70.292.549.741	-	-	70.292.549.741
Các khoản cho vay	182.189.435.553	231.425.250.000	-	413.614.685.553
Phải thu khách hàng	19.172.279.188	-	-	19.172.279.188
Phải thu khác	74.912.788.842	-	-	74.912.788.842
Các khoản đầu tư tài chính	38.416.843.447	-	781.138.901.897	819.555.745.344
Cộng	384.983.896.771	231.425.250.000	781.138.901.897	1.397.548.048.668

Tại 01/01/2019

Tiền và tương đương tiền	120.592.676.434	-	-	120.592.676.434
Các khoản cho vay	85.472.985.493	231.425.250.000	-	316.898.235.493
Phải thu khách hàng	20.564.504.949	-	-	20.564.504.949
Phải thu khác	591.145.787.508	-	-	591.145.787.508
Các khoản đầu tư tài chính	33.486.004.391	-	155.503.877.144	188.989.881.535
Cộng	851.261.958.775	231.425.250.000	155.503.877.144	1.238.191.085.919

6.5 Tài sản tiềm tàng

Theo quy định của Hợp đồng B.O.T Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận, lãi suất được áp dụng để tính thời gian hoàn vốn được lấy theo mức lãi suất cho vay trung hạn bình quân của 3 ngân hàng BIDV, ACB và EXIMBank trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Tuy nhiên lãi suất đi vay trong năm thực tế của Công ty đối với nguồn vốn vay tài trợ cho dự án đang thấp hơn so với mức lãi suất áp dụng thu phí hoàn vốn theo hợp đồng. Sự chênh lệch lãi suất nêu trên đã làm phát sinh một khoản tài sản tiềm tàng với giá trị ước tính lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 42.098.920.422 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 36.838.924.464 VND).

Nếu Công ty ghi nhận giá trị tài sản tiềm tàng này vào báo tài chính hợp nhất thì khoản lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ tăng lên một khoản là 5.259.995.958 VND.

6.6 Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6.7 Cơ sở hoạt động liên tục

Với tình hình tài chính hiện tại, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng chắc chắn rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tới. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

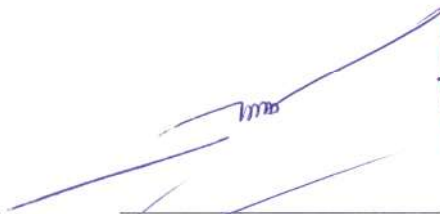
6.8 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chính
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Tài chính



Phạm Thế Chính
Tổng Giám đốc